

Bản án số: 65 /2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 -2021

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh T1”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

2. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T Giang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN THANH BÌNH**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 744/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Mai Chí T1**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:** Chị và anh T1 xác lập quan hệ vợ chồng năm 2002, được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2007. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 hút chích ma túy, thường xuyên đánh chị nên mất hạnh phúc. Chị và anh T1 đã ở riêng và ly thân từ 2015 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Chí L sinh ngày 04/02/2003 và Mai Ngọc P, sinh ngày 04/02/2006.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị T xin được ly hôn anh T1. Con chung chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

- Bị đơn anh Mai Chí T1 tuy được tổng đạt đầy đủ văn bản nhưng không tham gia tố tụng và không có lời trình bày.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự tuân thủ đúng qui định pháp luật. Riêng anh T1 không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Mai Chí T1. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị T ngày 05/3/2021 có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận đi làm không thể đến Tòa án được. Đối với bị đơn anh Mai Chí T1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh T1 tiến đến hôn nhân năm 2002 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn năm 2007. Tuy nhiên, anh chị chỉ chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân 2015 đến nay. Nguyên nhân do anh chị tính tình không hợp nhau, anh T1 nghiện ma túy, còn thường xuyên đánh đập chị làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Qua xác minh chính quyền địa phương cũng xác định hiện tại anh chị không còn sống chung với nhau do anh T1 nghiện ngập về nhà đánh đập vợ con nên chị T và 02 con đã bỏ đi. Đối với anh T1 dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng anh không tham gia hòa giải, xét xử, không có ý kiến việc chị T ly hôn. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Chí L sinh ngày 04/02/2003 và Mai Ngọc P, sinh ngày 04/02/2006. Xét thấy, hiện 02 con chung đang sống cùng chị T, cháu Linh hiện nay đã đủ 18 tuổi và lao động được nên không đặt ra xem xét, riêng cháu Phương hiện vẫn phát triển bình thường và cũng có nguyện vọng sống cùng chị T nếu anh chị ly hôn. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống con chung và trên cơ sở nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Mai Ngọc P cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[7] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị T ly hôn với anh Mai Chí T1.

2. Con chung: Tiếp tục giao con chung chưa thành niên tên Mai Ngọc P, sinh ngày 04/02/2006 cho chị T nuôi dưỡng. Anh Mai Chí T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004416 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Mai Chí T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

